

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2019
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hồng Khâm - Ông Nguyễn Hữu Tường.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXX-ST ngày 02/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐ-HPT ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 03/02/1994.

Địa chỉ cư trú: xóm 10, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn T - sinh ngày 01/9/1991.

Địa chỉ cư trú: xóm 10, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phan Văn T cưới nhau vào tháng 6/2016, trước khi tiến tới hôn nhân anh, chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Chị H, anh T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2016, ngày 13/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu theo chị H trình bày là do anh T đã nghiện ma túy, thường giao du với bạn bè xấu, không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình, vợ con. Biết được như vậy chị H đã động viên anh T từ bỏ thói hư tật xấu để cùng chị xây dựng hôn nhân bền vững, nhưng mọi nỗ lực của chị không có kết quả, ngược lại anh T có biểu hiện hư hỏng hơn, ngày càng không quan tâm đến gia đình vợ con, thường bỏ nhà đi đâu

không rõ địa chỉ, làm những điều khuất tất có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị H đã được bên ngoại động viên cố gắng để vợ chồng tiếp tục sống với nhau duy trì hôn nhân, nhưng chị H xác định đã mất hết tình cảm, niềm tin đối với chồng không thể đoàn tụ, chị đã về bên ngoại sống ly thân cắt đứt các quan hệ đối với anh T kể từ cuối tháng 2/2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã vận động chị H suy nghĩ, rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H kiên quyết đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 01 con chung cháu Phan Văn Hải P(Giới tính: nam), sinh ngày 04/3/2017. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi sống ly thân đến hết năm 2018 anh T thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung rất đầy đủ, từ tháng 01/2019 đến nay anh T chỉ gửi được vài triệu đồng để cùng chị H nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị H đề nghị giao cho chị được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh T không hợp tác để giải quyết, cố tình vắng mặt, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến, trình bày của anh để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị Ngọc H cung cấp, xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị H và anh T cơ bản đúng như chị H trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu chị H, anh T có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh T không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H có mặt, bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị H, anh T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị H có mặt, bị đơn anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phan Văn T đảm bảo đúng quy định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2016, ngày 13/6/2016, qua đó thấy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là vợ nghi chồng nghiện ngập, giao du với bạn bè xấu, vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, vợ không thông cảm lỗi sống của chồng, thiếu niềm tin đối với chồng, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, các bên sống ly thân từ cuối tháng 2/2017, quá trình sống ly thân cả vợ lẫn chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh T thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T là có căn cứ, cần sự chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị.

[2] Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tuy việc hỗ trợ về tài chính của anh T không đầy đủ nhưng chị H vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt về nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung, con chung chưa được 3 năm tuổi đang cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy chị H đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

-Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn thuộc nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên việc cấp dưỡng nuôi con phụ thuộc vào điều kiện hoàn cảnh thu nhập của người không trực tiếp nuôi con. Anh Phan Văn T có nghề nghiệp chủ yếu là làm ruộng, ngoài ra anh T còn làm các công việc khác để tăng thêm thu nhập, nhưng thu nhập của anh không cao, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là cao. Căn cứ vào công việc, điều kiện hoàn cảnh của anh Phan Văn T hiện nay chỉ có cơ sở buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phan Văn T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Phan Văn Hải P (Giới tính: nam), sinh ngày 04/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Anh Phan Văn T người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Buộc: Anh Phan Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Ngọc H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phan Văn T được tính từ tháng 7/2019 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003585 ngày 13/3/2019 tại Chi cục thi hành án Yên Thành, chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Buộc: Anh Phan Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND xã M(ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc